

Số: /QĐ-SKHCN

Hải Dương, ngày tháng 2 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số 3999/QĐ - UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Sở Khoa học và Công nghệ (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Chi cục Trưởng Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và Khảo nghiệm giống và Trung tâm Đo lường, Thử nghiệm và Thông tin khoa học và các công chức, viên chức liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lưu :VT, VP (bà Hiền).

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Bình

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH HẢI DƯƠNG**Chương: 417****DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021***(Kèm theo Quyết định số /QĐ- SKHCN ngày tháng 2 năm 2021 của
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương)**ĐV tính: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				VP Sở	Chi cục TĐC	Trung tâm UDKHCN &KNG	Trung tâm Đo lường – Thử nghiệm và TTKHCN
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	16.276,0	16.276,0			10.560,0	5.716,0
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.945,0	12.945,0			7.734,0	5.211,0
2.1	Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2.2	Chi quản lý hành chính/chi thường xuyên	12.945,0	12.945,0			7.734,0	5.211,0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.945,0	12.945,0			7.734,0	5.211,0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	30.803,0	24.530,0	22.595,0	1.935,0	4.496,0	1.777,0
1	Chi quản lý hành chính	5.437,0	5.437,0	3.502,0	1.935,0		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.437,0	5.437,0	3.502,0	1.935,0		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
2	Nghiên cứu khoa học						
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	20.045,0	19.093,0	19.093,0			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh	20.045,0	19.093,0	19.093,0			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó			
				VP Sở	Chi cục TĐC	Trung tâm UDKHCN &KNG	Trung tâm Đo lường – Thử nghiệm và TTKHCN
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	287,0	287,0			90,0	197,0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
2.4	Kinh phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	6.765,0	5.986,0			4.406,0	1.580,0
2.5	Kinh phí nhiệm vụ đặc thù (hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, các chương trình, đề án, nhiệm vụ được giao						
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề						
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
5	Chi bảo đảm xã hội						
6	Chi hoạt động kinh tế						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						